Usecase 3-05: Tìm kiếm và lọc

A diagram of a diagram

AI-generated content may be incorrect.

Usecase: Tìm kiếm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC-3-05-01 | | |
| **Tên Use case** | Tìm kiếm | | |
| **Mục đích Use case** | Người quản lý có thể tìm kiếm chuyến bay dựa trên các trường thông tin của chuyến bay | | |
| **Tác nhân** | Người quản lý hệ thống | | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Người quản lý nhập nội dung cần tìm kiếm vào ô tìm kiếm | | |
| **Tiền điều kiện** | Không có | | |
| **Hậu điều kiện** | Hiển thị danh sách các chuyến bay phù hợp với nội dung tìm kiếm | | |
| **Luồng sự kiện chính** | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** |
| 1. | Người quản lý | Nhập nội dung tìm kiếm vào ô tìm kiếm |
| 2. | Hệ thống | Hiển thị danh sách các chuyến bay phù hợp với nội dung tìm kiếm |
| **Luồng sự kiện thay thế** | Không có | | | |

Usecase: Lọc

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC-3-05-02 | | |
| **Tên Use case** | Lọc | | |
| **Mục đích Use case** | Người quản lý có thể lọc danh sách chuyến bay theo các trường thông tin được tích chọn | | |
| **Tác nhân** | Người quản lý hệ thống | | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Người quản lý nhấn vào biểu tượng lọc và nhập và tích chọn điều kiện vào trường cần lọc | | |
| **Tiền điều kiện** | Không có | | |
| **Hậu điều kiện** | Hiển thị danh sách các chuyến bay phù hợp với nội dung lọc | | |
| **Luồng sự kiện chính** | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** |
| 1. | Người quản lý | Nhấn vào biểu tượng lọc và nhập và tích chọn điều kiện vào trường cần lọc |
| 2. | Hệ thống | Hiển thị danh sách các chuyến bay phù hợp với nội dung lọc |
| **Luồng sự kiện thay thế** | Không có | | | |

3.2 Usecase quản lí khách hàng

Usecase tổng quan:

A diagram of a person's face

AI-generated content may be incorrect.

Usecase 4-01: Quản lý khách hàng

A diagram of a diagram

AI-generated content may be incorrect.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC-4-01 | | |
| **Tên Use case** | Quản lý khách hàng | | |
| **Mục đích Use case** | Người quản lý có thể quản lý các tài khoản của khách hàng sử dụng phần mềm | | |
| **Tác nhân** | Người quản lý hệ thống | | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Người quản lý chọn vào phần quản lý khách hàng | | |
| **Tiền điều kiện** | Không có | | |
| **Hậu điều kiện** | Hệ thống hiển thị danh sách các tài khoản của khách hàng và các tác vụ có thể thực hiện | | |
| **Luồng sự kiện chính** | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** |
| 1. | Người quản lý | Chọn vào phần quản lý khách hàng |
| 2. | Hệ thống | Hiển thị danh sách các tài khoản của khách hàng và các tác vụ có thể thực hiện |
| **Luồng sự kiện thay thế** | Không có | | |
|  |

Usecase: Thêm khách hàng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC-4-01-01 | | |
| **Tên Use case** | Thêm khách hàng | | |
| **Mục đích Use case** | Người quản lý có thể thêm mới khách hàng vào danh sách | | |
| **Tác nhân** | Người quản lý hệ thống | | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Người quản lý nhấn vào nút thêm khách hàng | | |
| **Tiền điều kiện** | Không có | | |
| **Hậu điều kiện** | Hiển thị các trường thông tin của khách hàng để Người quản lý nhập vào | | |
| **Luồng sự kiện chính** | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** |
| 1. | Người quản lý | Nhấn vào nút thêm khách hàng |
| 2. | Hệ thống | Hiển thị các trường thông tin của khách hàng để Người quản lý nhập vào |
| 3. | Hệ thống | Kiểm tra các trường thông tin cần thiết có được nhập đầy đủ hay không |
| 4. | Hệ thống | Tạo tên tài khoản đăng nhập cho khách hàng |
| 5. | Hệ thống | Kiểm tra độ an toàn của mật khẩu của khách hàng |
| 6. | Hệ thống | Hiển thị thêm khách hàng thành công và đẩy thông tin khách hàng vào cơ sở dữ liệu |
| **Luồng sự kiện thay thế** | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** |
| 3.a. | Hệ thống | Thông báo các trường thông tin chưa được nhập đầy đủ |
| 3.b | Hệ thống | Thông báo độ an toàn của mật khẩu của khách hàng |
|  |

Usecase: Sửa thông tin khách hàng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC-4-01-02 | | |
| **Tên Use case** | Sửa thông tin khách hàng | | |
| **Mục đích Use case** | Người quản lý có thể sửa thông tin khách hàng đang có trong danh sách | | |
| **Tác nhân** | Người quản lý hệ thống | | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Người quản lý nhấn vào nút sửa thông tin | | |
| **Tiền điều kiện** | Đã chọn 1 tài khoản khách hàng trong danh sách | | |
| **Hậu điều kiện** | Hiển thị các trường thông tin của khách hàng để Người quản lý nhập vào | | |
| **Luồng sự kiện chính** | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** |
| 1. | Người quản lý | Nhấn vào chọn 1 tài khoản khách hàng trong danh sách |
| 2. | Người quản lý | Nhấn vào nút sửa thông tin |
| 3. | Hệ thống | Hiển thị các trường thông tin của khách hàng để Người quản lý có thể sửa |
| 4. | Hệ thống | Kiểm tra các trường thông tin cần thiết có được nhập đầy đủ hay không |
| 5. | Hệ thống | Hiển thị cập nhật thông tin tài khoản khách hàng thành công và đẩy thông tin khách hàng vào cơ sở dữ liệu |
| **Luồng sự kiện thay thế** | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** |
| 4.a. | Hệ thống | Thông báo các trường thông tin chưa được nhập đầy đủ và yêu cầu nhập lại |
|  |

Usecase: Xóa khách hàng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC-4-01-03 | | |
| **Tên Use case** | Xóa khách hàng | | |
| **Mục đích Use case** | Người quản lý có thể xóa khách hàng đang có ra khỏi danh sách | | |
| **Tác nhân** | Người quản lý hệ thống | | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Người quản lý nhấn vào nút xóa khách hàng | | |
| **Tiền điều kiện** | Đã nhấn vào ô sửa thông tin khách hàng trong danh sách | | |
| **Hậu điều kiện** | Hiển thị ô thông báo xác nhận xóa | | |
| **Luồng sự kiện chính** | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** |
| 1. | Người quản lý | Nhấn vào chọn 1 tài khoản khách hàng trong danh sách |
| 2. | Người quản lý | Nhấn vào nút sửa thông tin khách hàng |
| 3. | Người quản lý | Nhấn vào nút xóa khách hàng |
| 4. | Hệ thống | Hiển thị ô thông báo xác nhận xóa |
| 5. | Hệ thống | Xóa khách hàng ra khỏi cơ sở dữ liệu |
| **Luồng sự kiện thay thế** | Không có | | | |
|

Usecase: Xem thông tin chi tiết của khách hàng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC-4-01-04 | | |
| **Tên Use case** | Thông tin chi tiết của khách hàng | | |
| **Mục đích Use case** | Người quản lý có thể hiển thị thông tin chi tiết của khách hàng | | |
| **Tác nhân** | Người quản lý hệ thống | | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Người quản lý nhấn vào nút thông tin khách hàng | | |
| **Tiền điều kiện** | Đã chọn 1 tài khoản của khách hàng bất kỳ trong danh sách | | |
| **Hậu điều kiện** | Hiển thị thông tin chi tiết của khách hàng | | |
| **Luồng sự kiện chính** | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** |
| 1. | Người quản lý | Chọn tài khoản của khách hàng cần xem thông tin |
| 2. | Hệ thống | Hiển thị thông tin chi tiết của khách hàng |
| **Luồng sự kiện thay thế** | Không có | | | |
|

Usecase 4-02: Quản lý phản hồi, đánh giá của khách hàng

A diagram of a diagram

AI-generated content may be incorrect.

Usecase: Xóa phản hồi, đánh giá của khách hàng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC-4-02-01 | | |
| **Tên Use case** | Xóa phản hồi, đánh giá của khách hàng | | |
| **Mục đích Use case** | Người quản lý có thể xóa phản hồi, đánh giá vi phạm tiêu chuẩn đạo đức đang có ra khỏi danh sách | | |
| **Tác nhân** | Người quản lý hệ thống | | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Người quản lý nhấn vào nút xóa phản hồi, đánh giá | | |
| **Tiền điều kiện** | Đã nhấn vào phản hồi, đánh giá trong danh sách | | |
| **Hậu điều kiện** | Hiển thị ô thông báo xác nhận xóa | | |
| **Luồng sự kiện chính** | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** |
| 1. | Người quản lý | Nhấn vào chọn 1 phản hồi, đánh giá trong danh sách |
| 2. | Người quản lý | Nhấn vào nút xóa phản hồi, đánh giá |
| 3. | Hệ thống | Hiển thị ô thông báo xác nhận xóa |
| 4. | Hệ thống | Xóa dữ liệu phản hồi, đánh giá ra khỏi cơ sở dữ liệu |
| **Luồng sự kiện thay thế** | Không có | | | |
|

Usecase: Sắp xếp các phản hồi, đánh giá của khách hàng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC-4-02-02 | | |
| **Tên Use case** | Sắp xếp phản hồi, đánh giá của khách hàng | | |
| **Mục đích Use case** | Người quản lý có thể sắp xếp phản hồi, đánh giá chuyến bay đang có trong danh sách | | |
| **Tác nhân** | Người quản lý hệ thống | | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Người quản lý nhấn vào nút sắp xếp phản hồi, đánh giá | | |
| **Tiền điều kiện** | Đã nhấn vào chọn thứ tự phản hồi, đánh giá đầu danh sách | | |
| **Hậu điều kiện** | Không có | | |
| **Luồng sự kiện chính** | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** |
| 1. | Người quản lý | Nhấn vào chọn thứ tự phản hồi, đánh giá đầu danh sách |
| 2. | Người quản lý | Nhấn vào nút chọn theo thứ tự tăng dần, giảm dần hay mới nhất |
| **Luồng sự kiện thay thế** | Không có | | | |
|